

Số: 17/2015/UQ-CPAVIETNAM

Ngày 05 tháng 10 năm 2015

GIẤY ỦY QUYỀN
(Về việc ký Báo cáo Kiểm toán)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 33/QH11 ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trong Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch Hội đồng Thành viên**, Số chứng minh thư nhân dân: 012435891 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/01/2002, là người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội. Bằng văn bản này Ủy quyền cho: Ông **Phan Thanh Nam - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, Số chứng minh thư nhân dân: 013564385 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/06/2012, thực hiện ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyên ngành cụ thể như sau:

Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, do Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cung cấp dịch vụ Kiểm toán.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi Ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được Ủy quyền lại cho bên thứ 3. Ông **Phan Thanh Nam** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi Ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2015 đến khi có Ủy quyền khác thay thế Ủy quyền này. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Phó Tổng Giám đốc

Phan Thanh Nam

NGƯỜI ỦY QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Phú Hà

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 47



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2017

Số: 755/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 27 tháng 10 năm 2017, từ trang 04 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.383.415.211.036	1.250.091.813.579
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.170.242.018	46.203.334.462
1. Tiền	111		72.670.242.018	45.703.334.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		522.162.455.252	462.618.285.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	386.463.170.953	368.047.542.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58.234.777.787	44.985.778.336
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	77.822.631.427	49.584.964.623
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(358.124.915)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	717.744.506.433	647.365.507.180
1. Hàng tồn kho	141		720.451.732.685	650.464.574.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.707.226.252)	(3.099.067.233)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		70.338.007.333	93.904.686.338
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	14.211.189.616	13.090.603.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.086.373.998	67.884.784.087
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	12.040.443.719	12.929.299.122
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		590.464.228.433	560.826.491.806
I Các khoản phải thu dài hạn	210		59.497.564.292	50.336.335.729
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	59.497.564.292	50.336.335.729
II Tài sản cố định	220		279.173.712.164	269.023.257.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	254.603.888.590	241.015.428.273
- Nguyên giá	222		707.528.000.870	688.253.427.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(452.924.112.280)	(447.237.999.236)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	24.569.823.574	28.007.829.547
- Nguyên giá	228		39.090.828.367	40.978.782.924
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.521.004.793)	(12.970.953.377)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.500.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		27.500.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	214.397.871.825	200.425.871.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		108.235.268.520	102.053.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		72.561.989.920	71.086.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.600.613.385	27.285.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		37.367.580.152	41.041.026.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	37.367.580.152	41.041.026.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.973.879.439.469	1.810.918.305.385

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.684.878.065.272	1.505.175.910.963
I- Nợ ngắn hạn	310		1.588.289.918.860	1.416.205.172.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	209.423.005.350	231.374.586.309
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.252.976.733	16.035.239.608
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.982.560.010	9.387.478.002
4. Phải trả người lao động	314		51.057.888.035	118.276.086.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	27.728.403.389	33.138.080.284
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	147.177.369	4.899.609.401
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	16.427.144.318	12.564.627.513
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.205.805.278.104	936.937.742.161
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	39.171.767.442	39.171.767.442
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.293.718.110	14.419.956.201
II- Nợ dài hạn	330		96.588.146.412	88.970.738.034
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	-	375.597.034
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	22.602.482.290	22.205.546.226
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	5.054.970.183	6.879.272.774
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	68.930.693.939	59.510.322.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		289.001.374.197	305.742.394.422
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	289.001.374.197	305.742.394.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.601.476.484	92.342.496.709
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		46.842.496.709	30.036.586.261
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.758.979.775	62.305.910.448
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.973.879.439.469	1.810.918.305.385

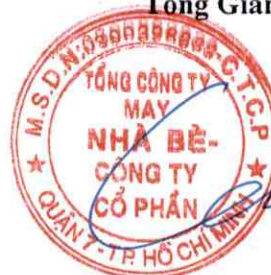
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2017

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Huỳnh Văn Phát

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/01/2017	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 30/06/2017	đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.336.724.088.561	1.559.509.927.990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.534.026.752	8.592.702.153
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.331.190.061.809	1.550.917.225.837
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.024.116.676.943	1.246.571.598.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		307.073.384.866	304.345.627.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	22.717.165.581	29.377.599.404
7. Chi phí tài chính	22	5.20	15.920.505.951	18.997.919.928
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.366.855.818	13.300.394.018
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	136.039.235.055	122.944.835.202
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	138.028.109.663	149.460.643.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		39.802.699.778	42.319.828.222
11. Thu nhập khác	31	5.23	641.729.641	848.222.489
12. Chi phí khác	32	5.23	288.277.384	354.603.755
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		353.452.257	493.618.734
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		40.156.152.035	42.813.446.956
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	5.919.271.349	6.545.802.130
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		34.236.880.686	36.267.644.826

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2017

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc






Huỳnh Văn Phát

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 01/01/2017	Từ ngày 01/01/2016
		đến ngày 30/06/2017	đến ngày 30/06/2016
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	40.156.152.035	42.813.446.956
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	30.165.069.885	28.646.538.244
- Các khoản dự phòng	3	(33.716.066)	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(21.747.746.488)	(14.663.049.321)
- Chi phí lãi vay	6	11.366.855.818	13.300.394.018
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	59.906.615.184	70.097.329.897
- Tăng các khoản phải thu	9	(46.376.257.639)	246.690.835.678
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(69.987.158.272)	17.293.994.775
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(126.930.446.996)	(90.752.486.518)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	2.552.859.793	(4.913.670.757)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.366.855.818)	(13.300.394.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.152.043.852)	(4.774.024.597)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.604.139.002)	(4.086.129.003)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(204.957.426.602)</i>	<i>216.255.455.457</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.197.827.456)	(37.112.148.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	15.304.672.107	272.499.998
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.972.000.000)	(20.677.324.250)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.001.581.625	14.390.549.323
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(863.573.724)</i>	<i>(43.126.423.598)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.301.211.147.440	1.332.083.846.636
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.022.923.239.558)	(1.487.940.384.706)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(44.084.262.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>232.787.907.882</i>	<i>(199.940.800.570)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>26.966.907.556</i>	<i>(26.811.768.711)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.203.334.462	127.376.857.314
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	73.170.242.018	100.565.088.603

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2017

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc






Huỳnh Văn Phát

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biên Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2017: 5.185 người (31/12/2016 là: 5.762 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con	
Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận – Nhà Bè	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè – Hậu Giang	71,24%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	51,00%
Công ty liên kết	
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
Công ty CP Truyền Thông và Du lịch NBC	42,27%
Công ty CP Truyền thông Nhà Bè	46,70%
Công ty CP May Nam Định	49,86%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	49,00%
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%
Các đơn vị phụ thuộc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum	
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng	
Chi Nhánh 3 – Tổng công May Nhà Bè – CTCP tại Hà Nội	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định	
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại UK	

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ; tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	5.522.142.742	6.278.917.380
Tiền gửi ngân hàng	66.236.899.276	39.424.417.082
Tiền đang chuyển	911.200.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	500.000.000
Tổng	73.170.242.018	46.203.334.462

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	386.463.170.953	368.047.542.640
DEBENHAMS RETAIL	10.296.359.908	8.283.312.401
MOTIVES	2.146.527.947	-
Công ty CP May Gia Phúc	21.812.526.736	14.662.588.655
WE EUROPE	1.762.704.377	1.345.616.048
JP GLOBAL	989.183.957	23.078.996.509
Công ty CP May Gia Lai	54.103.390.844	51.463.604.719
H&M	7.588.651.502	11.828.556.568
JC PENNY	10.730.178.400	7.798.740.722
ARCADIA	10.188.222.367	4.315.349.450
BMB CLOTHING GROUP	57.916.837.228	34.535.871.481
LUCRETIA	20.638.891.637	19.862.956.816
PRIMARK	170.263.847	1.678.978.260
TRYBUS	957.198.239	4.256.819.110
GENEROS	13.985.285.236	18.175.759.929
Phải thu các đối tượng khác	173.176.948.728	166.760.391.972
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	386.463.170.953	368.047.542.640

5.3 Phải thu khác

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	77.822.631.427	-	49.584.964.623	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	2.149.712.126	-	445.755.928	-
- Phải thu tạm ứng	4.905.038.405	-	5.527.760.897	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	32.073.629.705	-	13.339.550.299	-
- Ứng tiền dự án Đức Linh	22.449.346.443	-	22.137.605.938	-
- Ký quỹ ngắn hạn	203.220.750	-	1.272.939.948	-
- Cho Công ty Cổ phần Hoài Ân vay	1.500.000.000	-	-	-
- Phải thu nguyên liệu xuất trả khách hàng Motives	7.565.982.575	-	1.451.623.627	-
- Phải thu khác	6.975.701.423	-	5.409.727.986	-
Dài hạn	59.497.564.292	-	50.336.335.729	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.782.113.672	-	2.275.424.624	-
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	8.453.700.000	-	8.453.700.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	34.296.286.150	-	34.296.286.150	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	12.441.464.470	-	2.032.033.497	-
- Phải thu khác	524.000.000	-	3.278.891.458	-
Tổng	137.320.195.719	-	99.921.300.352	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	5.670.861.326	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	311.419.433.955	(513.300.955)	280.467.654.420	(513.300.955)
Công cụ, dụng cụ	1.728.581.805	-	1.441.587.636	-
Chi phí SX KDDD	260.115.354.722	-	232.812.847.191	-
Thành phẩm	69.516.530.266	(621.394.158)	69.767.281.234	(746.842.109)
Hàng hóa	12.236.164.244	(561.581.071)	7.863.161.353	(827.974.100)
Hàng gửi bán	59.764.806.367	(1.010.950.068)	58.112.042.579	(1.010.950.069)
Tổng	720.451.732.685	(2.707.226.252)	650.464.574.413	(3.099.067.233)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	14.211.189.616	13.090.603.129
Chi phí bảo hiểm	1.291.111.532	2.279.383.617
Chi phí CCDC	1.696.391.687	1.470.711.214
Máy móc thiết bị	3.296.670	14.995.758
Phân bổ phụ tùng	1.157.754.828	1.099.368.292
Chi phí quảng cáo	853.849.561	678.877.934
Chi phí sửa chữa	764.267.422	731.179.139
Chi phí thuê mặt bằng	2.554.297.039	2.885.814.629
Tiền thuê đất	2.839.569.539	170.047.300
Khác	3.050.651.338	3.760.225.246
b) Dài hạn	37.367.580.152	41.041.026.432
Chi phí thuê đất	15.380.679.370	15.647.352.416
Chi phí CCDC	5.918.314.940	5.655.271.104
Chi phí quảng cáo	2.550.607.682	1.020.949.366
Chi phí sửa chữa	9.597.275.661	8.633.962.955
Chi phí phụ tùng	1.802.951.358	2.714.254.708
Tài sản giảm theo thông tư 45	51.070.715	132.390.401
Máy móc thiết bị	968.048.131	6.316.070.067
Khác	1.098.632.295	920.775.415
Tổng	51.578.769.768	54.131.629.561

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	237.472.051.401	411.960.675.739	27.146.229.360	11.674.471.009	688.253.427.509
Tăng trong kỳ	4.927.458.182	36.091.495.332	6.855.077.959	-	47.874.031.473
Mua trong kỳ	4.927.458.182	36.091.495.332	6.855.077.959	-	47.874.031.473
Giảm trong kỳ	-	28.565.759.412	-	33.698.700	28.599.458.112
Thanh lý nhượng bán	-	28.565.759.412	-	33.698.700	28.599.458.112
Số dư tại 30/06/2017	242.399.509.583	419.486.411.659	34.001.307.319	11.640.772.309	707.528.000.870
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	131.383.971.445	288.323.165.309	18.562.053.698	8.968.808.784	447.237.999.236
Tăng trong kỳ	7.772.482.096	18.546.653.175	1.498.542.679	556.692.759	28.374.370.709
Khấu hao trong kỳ	7.772.482.096	18.546.653.175	1.498.542.679	556.692.759	28.374.370.709
Giảm trong kỳ	-	22.654.558.965	-	33.698.700	22.688.257.665
Thanh lý nhượng bán	-	22.654.558.965	-	33.698.700	22.688.257.665
Số dư tại 30/06/2017	139.156.453.541	284.215.259.519	20.060.596.377	9.491.802.843	452.924.112.280
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	106.088.079.956	123.637.510.430	8.584.175.662	2.705.662.225	241.015.428.273
Tại ngày 30/06/2017	103.243.056.042	135.271.152.140	13.940.710.942	2.148.969.466	254.603.888.590

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2017: 286.666.331.491 đồng (tại ngày 31/12/2016: 288.146.496.479 đồng).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	13.161.700.385	5.838.965.451	21.978.117.088	40.978.782.924
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.887.954.557	-	-	1.887.954.557
Chuyển nhượng	1.887.954.557	-	-	1.887.954.557
Số dư tại 30/06/2017	11.273.745.828	5.838.965.451	21.978.117.088	39.090.828.367
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	2.300.177.924	4.315.707.765	6.355.067.688	12.970.953.377
Tăng trong kỳ	230.144.988	291.948.282	1.268.605.906	1.790.699.176
Khấu hao trong kỳ	230.144.988	291.948.282	1.268.605.906	1.790.699.176
Giảm trong kỳ	240.647.760	-	-	240.647.760
Chuyển nhượng	240.647.760	-	-	240.647.760
Số dư tại 30/06/2017	2.289.675.152	4.607.656.047	7.623.673.594	14.521.004.793
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	10.861.522.461	1.523.257.686	15.623.049.400	28.007.829.547
Tại 30/06/2017	8.984.070.676	1.231.309.404	14.354.443.494	24.569.823.574

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ		30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				108.235.268.520	-	-	102.053.268.520	-	-
1 Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	1.275.000	12.750.000.000			12.750.000.000		
2 Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	581.765	5.817.648.520			5.817.648.520		
3 Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	1.153.562	11.535.620.000			11.535.620.000		
4 Công ty CP May An Nhơn	51,00%	51,00%	765.000	7.650.000.000			7.650.000.000		
5 Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	51,00%	51,00%	255.000	2.550.000.000			2.550.000.000		
6 Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	1.530.000	15.300.000.000			15.300.000.000		
7 Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	765.000	7.650.000.000			7.650.000.000		
8 Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%	70,00%	700.000	7.000.000.000			7.000.000.000		
9 Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	71,24%	71,24%	2.778.200	27.782.000.000			21.600.000.000		
10 Công ty CP May Gia Phúc	51,00%	51,00%	1.020.000	10.200.000.000			10.200.000.000		
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				72.561.989.920	8.283.680.000	-	71.086.989.920	9.223.819.263	-
1 Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	720.320	9.223.819.263	8.283.680.000		9.223.819.263	9.223.819.263	
2 Công ty CP May Nam Định	49,86%	49,86%	388.917	3.889.170.657			3.889.170.657		
3 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	342.900	3.429.000.000			3.429.000.000		
4 Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000			1.500.000.000		
5 Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	49,00%	49,00%	1.470.000	14.700.000.000			9.000.000.000		
6 Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000			3.000.000.000		
7 Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000			15.360.000.000		
8 Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	42,27%	42,27%	1.340.000	13.400.000.000			13.460.000.000		
9 Công ty Cổ phần Truyền thông Nhà Bè	46,70%	46,70%	56.000	560.000.000			-		
10 Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	750.000	7.500.000.000			7.500.000.000		
11 Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè							4.725.000.000		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tên công ty	Tỷ lệ		30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				33.600.613.385	1.530.000.000	-	27.285.613.385	1.530.000.000	-
Đầu tư trái phiếu				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
1 Công ty CP May An Nhơn				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
Đầu tư khác				32.070.613.385	-	-	25.755.613.385	-	-
1 Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	1,95%	1,95%		5.337.100.000			3.747.100.000		
2 Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,13%	18,13%		5.802.843.385			5.802.843.385		
3 Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000			7.161.920.000		
4 Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000			3.480.000.000		
5 Công ty CP May Nam Định	18,59%	18,59%		1.338.750.000			1.338.750.000		
6 Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000			4.225.000.000		
7 Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	19,45%	19,45%		4.725.000.000			-		
Tổng				214.397.871.825	9.813.680.000	-	200.425.871.825	10.753.819.263	-

(*) Tại ngày 30/06/2017, Giá hợp lý của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè thấp hơn giá gốc tuy nhiên kết quả kinh doanh không bị lỗ nên không thực hiện trích lập dự phòng.

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	209.423.005.350	209.423.005.350	231.374.586.309	231.374.586.309
Công ty CP May Tam Quan	6.471.477.267	6.471.477.267	15.028.832.427	15.028.832.427
Công ty CP May Gia Lai	10.363.437.420	10.363.437.420	9.466.548.521	9.466.548.521
Motives (Far East) Ltd.	14.394.416.406	14.394.416.406	12.222.664.521	12.222.664.521
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.978.048.195	3.978.048.195	7.091.377.059	7.091.377.059
Công ty CP May Bình Định	802.829.058	802.829.058	7.105.465.310	7.105.465.310
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	1.121.466.648	1.121.466.648	1.968.061.383	1.968.061.383
Công ty TNHH May XK Việt Thành	7.214.578.150	7.214.578.150	9.453.972.475	9.453.972.475
Công ty CP May Tây Sơn	2.463.800.996	2.463.800.996	2.087.143.842	2.087.143.842
Công ty CP May An Nhơn	2.395.935.799	2.395.935.799	3.584.114.476	3.584.114.476
Công ty Cổ phần May Hậu Giang	9.053.966.234	9.053.966.234	8.836.411.752	8.836.411.752
Phải trả các nhà cung cấp khác	151.163.049.177	151.163.049.177	154.529.994.543	154.529.994.543
b) Dài hạn	-	-	375.597.034	375.597.034
Công ty Xây lắp 1	-	-	234.364.068	234.364.068
Công ty TNHH SX - TMDV Nam Thành	-	-	24.097.482	24.097.482
Embisphene	-	-	37.962.000	37.962.000
The Sewing machine Company Ltd	-	-	53.947.720	53.947.720
Phải trả các nhà cung cấp khác	-	-	25.225.764	25.225.764
Tổng	209.423.005.350	209.423.005.350	231.750.183.343	231.750.183.343

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.071.470.743	8.183.612.575	9.031.284.285	2.223.799.033
Thuế XNK	1.132.565.453	-	1.132.565.453	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.996.493.875	-	1.996.493.875	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.004.462.769	3.754.133.461	5.118.632.138	1.639.964.092
Thuế đất	-	133.768.283	133.768.283	-
Thuế môn bài	-	28.000.000	28.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	182.485.162	3.554.270.650	3.617.958.927	118.796.885
Tổng	9.387.478.002	15.653.784.969	21.058.702.961	3.982.560.010
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	439.048	439.048
Thuế XNK	12.885.259.984	3.922.719.955	1.797.146.876	10.759.686.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.919.271.349	7.155.549.977	1.236.278.628
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	-	-	44.039.138
Tổng	12.929.299.122	9.841.991.304	8.953.135.901	12.040.443.719



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	27.728.403.389	33.138.080.284
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	7.854.273.787	14.173.863.670
Chi phí đồng phục	1.110.000.000	-
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	11.933.930.223	12.737.444.571
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.190.818.713	4.814.051.690
Chi phí phải trả khác	2.639.380.666	1.412.720.353
b) Dài hạn	-	-
Tổng	27.728.403.389	33.138.080.284

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	147.177.369	4.899.609.401
Doanh thu nhận trước	147.177.369	4.899.609.401
b) Dài hạn	22.602.482.290	22.205.546.226
Doanh thu nhận trước	22.602.482.290	22.205.546.226
Tổng	22.749.659.659	27.105.155.627

5.13 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.427.144.318	12.564.627.513
Kinh phí công đoàn	2.216.217.134	2.249.102.875
Bảo hiểm xã hội	646.046.006	252.246.433
Bảo hiểm y tế	1.634.314.907	1.363.151.529
Bảo hiểm thất nghiệp	552.088.968	461.701.176
Phải trả khác	11.378.477.303	8.238.425.500
<i>Công ty CP May Gia Lai</i>	<i>3.761.248.962</i>	<i>3.607.879.269</i>
<i>Công ty CP May Phú Thịnh Nhà Bè</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả công ty CP May Bưu Long</i>	<i>1.174.114.171</i>	<i>1.174.114.171</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>4.443.114.170</i>	<i>3.456.432.060</i>
b) Dài hạn	5.054.970.183	6.879.272.774
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	2.282.470.183	3.423.705.274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.772.500.000	3.455.567.500
Tổng	21.482.114.501	19.443.900.287

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.205.805.278.104	1.205.805.278.104	1.291.793.925.501	1.022.926.389.558	936.937.742.161	936.937.742.161
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.192.819.349.584</i>	<i>1.192.819.349.584</i>	<i>1.290.600.341.710</i>	<i>1.010.507.780.316</i>	<i>912.726.788.190</i>	<i>912.726.788.190</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [1]	442.209.710.441	442.209.710.441	442.670.709.835	496.248.184.092	495.787.184.698	495.787.184.698
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [2]	73.027.041.675	73.027.041.675	84.800.492.000	11.773.450.325	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	327.960.351.733	327.960.351.733	336.837.442.236	151.786.777.427	142.909.686.924	142.909.686.924
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) [3]	10.033.085.665	10.033.085.665	10.048.118.080	11.822.884.432	11.807.852.017	11.807.852.017
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam [4]	73.034.720.038	73.034.720.038	105.156.500.610	157.573.435.723	125.451.655.151	125.451.655.151
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh [5]	57.040.192.056	57.040.192.056	64.754.323.384	22.798.456.293	15.084.324.965	15.084.324.965
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	-	-	-	16.903.807.461	16.903.807.461	16.903.807.461
Standard Chartered (Việt Nam) [6]	49.657.008.702	49.657.008.702	52.282.021.384	21.239.807.198	18.614.794.516	18.614.794.516
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	-	-	-	9.324.919.121	9.324.919.121	9.324.919.121
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [7]	159.857.239.274	159.857.239.274	194.050.734.181	111.036.058.244	76.842.563.337	76.842.563.337
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.985.928.520	12.985.928.520	1.193.583.791	12.418.609.242	24.210.953.971	24.210.953.971
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	10.080.256.520	10.080.256.520	3.150.000	9.354.285.600	19.431.392.120	19.431.392.120
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	2.905.672.000	2.905.672.000	1.190.433.791	3.064.323.642	4.779.561.851	4.779.561.851

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	68.930.693.939	68.930.693.939	10.610.805.730	1.190.433.791	59.510.322.000	59.510.322.000
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [8]	53.214.650.000	53.214.650.000	-	-	53.214.650.000	53.214.650.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [8]	9.865.672.000	9.865.672.000	4.760.433.791	1.190.433.791	6.295.672.000	6.295.672.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam [9]	5.850.371.939	5.850.371.939	5.850.371.939	-	-	-
Tổng	1.274.735.972.043	1.274.735.972.043	1.302.404.731.231	1.024.116.823.349	996.448.064.161	996.448.064.161

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hồi phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

- Phụ lục 02/CV-0211/KH/14NH : Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 25 tháng 09 năm 2014: Hạn mức cho vay: 800.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2015. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[2] Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0101/KHDN2/16NH ký ngày 31/10/2016 giữa NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM và Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay được ghi trên Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc và ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm theo văn bản giữa các bên, trả lãi ngày 26 hàng tháng.

[3] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 16/10/2015. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14.043.011.01/2014 - HĐTNHM/NHCT908-NBC ngày 20/10/2014. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 16/10/2015 đến hết 25/10/2016. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định của Bên cho vay. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 01/11/2016. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 01/11/2017. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 14%/năm. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25

[4] Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0151 - HĐTD.VIB625.15 ngày 03/07/2015, với tổng các tiện ích ngắn hạn là 200.000.000.000 VND (hoặc tương đương bằng ngoại tệ khác được VIB chấp nhận) trong đó tổng các tiện ích tín dụng ngắn hạn là: 170.000.000.000 VND, tiện ích tín dụng chứng từ là 200.000.000.000 VND. thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Thời gian của các tiện ích được xem xét lại định kỳ hàng năm, vào thời điểm do VIB toàn quyền quyết định. Lãi suất cho vay bằng chi phí giá vốn cộng biên độ điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi được thanh toán cuối kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm: Công ty cam kết chuyển doanh thu về tài khoản Ngân hàng tối thiểu 10% doanh thu nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng/năm. Doanh thu trực tiếp về tài khoản VIB tối thiểu bằng 30% doanh số giải ngân tại VIB.

[5] Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh TP.HCM, (sau đổi tên thành Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) theo hợp đồng tín dụng số 151017 tháng 05 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty, nhu cầu phát hành thư tín dụng, chiết khấu L/C. Có thời hạn từ ngày 18/06/2015 đến 18/06/2016. Lãi suất cho vay không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1,00%/ năm đối với USD, không thấp hơn chi phí vốn của ngân hàng + 1,00%/năm đối với VND, lãi được tính lũy kế từng ngày và dựa trên cơ sở 360 ngày, giai đoạn tính lãi là 1 tháng, vào ngày 27 hàng tháng. Lãi phạt sẽ tăng lên 5% của khoản tiền lãi phải trả nhưng không quá 150%/năm. Biện pháp bảo đảm là các khoản phải thu và hàng tồn kho.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[6] Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), Thư cấp hạn mức tín dụng ngày 25/08/2011, được sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm. Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/13-40 ngày 20/04/2013 với Ngân hàng Standard Charter Bank (Vietnam) limited. Bản sửa đổi thư cấp tín dụng ngày 25/08/2015 số tham chiếu SBFL/15-103 của ngân hàng hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam). Hạn mức tín dụng cho tài trợ thương mại là 3.000.000 USD hoặc là số tiền tương đương bằng loại tiền khác, tài trợ các hạn mức tín dụng kết hợp là 3.000.000 USD hoặc số tiền tương đương bằng loại tiền khác.

[7] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

[8] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2013, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VNĐ, trong đó tổng số tiền giải ngân bằng USD tối đa là: 190.373 USD. Nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VNĐ bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sản cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 20/01/2014 về lịch trả nợ. Hợp đồng thế chấp thiết bị số 0025/NHNT-TC ngày 22/04/2013, danh sách tài sản được mô tả trong biên bản định giá số 01/BBĐG ngày 16/04/2013.

Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27 tháng 02 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014. ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương 18.072.753.342 VNĐ (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân). Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/NHNT-TC ngày 27/02/2014, tài sản đảm bảo được mô tả trong biên bản định giá tài sản số 01-0010/BBĐG ngày 03/2014.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06 tháng 10 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 đợt 2, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 5.690.000.000 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân) nhưng không vượt quá tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3%/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0044/NHNT-TC ngày 06/10/2014, biên bản định giá tài sản bảo đảm số 01-0044/BBĐG ngày 06/10/2014.

[9] **Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:** Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số : 01/2017-HĐCVĐAT/NHCT908-NBC ngày 21/04/2017. Phương thức cho vay từng lần, số tiền vay không vượt quá 21.300.000.000 VND, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Thanh toán lãi 1 tháng 1 lần, thanh toán gốc 3 tháng 1 lần (trùng với ngày thanh toán lãi trong tháng đó).

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	39.171.767.442	39.171.767.442
Dự phòng quỹ tiền lương	39.171.767.442	39.171.767.442
b) Dài hạn	-	-
Tổng	39.171.767.442	39.171.767.442

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	75.536.586.261	288.936.483.974
Tăng trong năm	-	-	74.173.702.942	74.173.702.942
Lợi nhuận sau thuế	-	-	74.173.702.942	74.173.702.942
Giảm trong năm	-	-	57.367.792.494	57.367.792.494
Chia cổ tức năm 2015	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	8.159.107.324	8.159.107.324
Quỹ phúc lợi	-	-	3.708.685.147	3.708.685.147
Giảm khác	-	-	23	23
Số dư tại 31/12/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422
Tăng trong kỳ	-	-	34.236.880.686	34.236.880.686
Lợi nhuận sau thuế	-	-	34.236.880.686	34.236.880.686
Giảm trong kỳ	-	-	50.977.900.911	50.977.900.911
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	3.766.056.876	3.766.056.876
Quỹ phúc lợi	-	-	1.711.844.035	1.711.844.035
Số dư tại 30/06/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	75.601.476.484	289.001.374.197

(*) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 23/17/ĐHCD ngày 10 tháng 04 năm 2017 về việc phân phối lợi nhuận năm 2016.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	17.800.000.000	9,78%	17.800.000.000	9,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	113.308.780.000	62,26%	113.308.780.000	64,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	102%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu</i>		

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.336.724.088.561	1.559.509.927.990
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.315.378.414.691	1.542.413.569.990
Doanh thu chuyên nhượng bất động sản	7.000.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.345.673.870	17.096.358.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.534.026.752	8.592.702.153
Chiết khấu thương mại	686.440.598	883.967.058
Hàng bán bị trả lại	4.847.586.154	7.708.735.095
Doanh thu thuần về bán hàng	1.331.190.061.809	1.550.917.225.837

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.022.084.638.752	1.245.990.886.817
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	1.647.306.797	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	384.731.394	580.711.628
Tổng	1.024.116.676.943	1.246.571.598.445

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	76.671.173	872.469.045
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.924.910.452	13.518.080.278
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.715.583.956	14.987.050.081
Tổng	22.717.165.581	29.377.599.404

5.20 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	11.366.855.818	13.300.394.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.553.650.133	5.697.525.910
Tổng	15.920.505.951	18.997.919.928

5.21 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	33.403.984.112	26.862.207.907
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.255.864.994	2.861.947.380
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	2.446.084.536	2.340.575.694
Chi phí khấu hao TSCĐ	961.014.604	775.275.362
Thuế, phí, lệ phí	68.277.162	64.022.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.535.738.114	81.686.902.640
Chi phí bằng tiền khác	9.368.271.533	8.353.904.219
Tổng	136.039.235.055	122.944.835.202

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	77.162.868.218	92.015.834.874
Chi phí vật liệu quản lý	6.269.699.206	5.975.605.680
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.979.342.278	3.172.862.650
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.259.625.105	7.414.509.925
Thuế phí và lệ phí	1.689.469.273	734.087.245
Chi phí dự phòng	395.923.522	662.359.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.914.299.211	22.971.874.915
Chi phí bằng tiền khác	18.356.882.850	16.513.508.173
Tổng	138.028.109.663	149.460.643.444

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	387.293.541	272.499.998
Thu hồi nguyên vật liệu	-	125.698.244
Xử lý chênh lệch gia công	4.742.439	137.536.828
Thu nhập từ đào tạo	-	244.400.000
Khác	249.693.661	68.087.419
Tổng	641.729.641	848.222.489
Chi phí khác		
Xử lý chênh lệch gia công	70.985.735	113.457.389
Các khoản phạt	211.282.201	86.182.594
Khác	6.009.448	154.963.772
Tổng	288.277.384	354.603.755
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	353.452.257	493.618.734

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.156.152.035	42.813.446.956
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</i>	3.365.115.162	3.433.643.974
<i>Chi phí không được trừ</i>	2.734.782.959	3.058.086.378
<i>Chi phí khấu hao vượt định mức</i>	419.050.002	289.375.002
<i>Các khoản phạt</i>	211.282.201	86.182.594
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</i>	13.924.910.452	13.518.080.278
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	13.924.910.452	13.518.080.278
Thu nhập chịu thuế	29.596.356.745	32.729.010.652
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	5.919.271.349	6.545.802.130

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	579.113.264.952	762.745.682.050
Chi phí nhân công	323.283.606.381	384.705.710.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.577.650.052	29.171.533.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345.730.406.147	327.265.919.744
Chi phí khác bằng tiền	19.479.094.129	15.088.230.904
Tổng	1.298.184.021.661	1.518.977.077.091

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các bên có liên quan****Giao dịch bán hàng trong kỳ**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2017	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 30/6/2017	đến ngày 30/6/2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	52.530.000	45.150.000
		Nguyên phụ liệu	-	28.605.743
		Tiền thuê nhà	122.526.000	-
		Phí vận chuyển	-	7.300.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	2.635.000	4.793.000
		Quần, áo	3.927.264	3.818.190
		Chi phí xuất nhập khẩu	17.000.000	20.151.360
		Khác	71.668.853	28.184.984
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	1.700.000	5.496.000
		Khác	4.275.000	6.324.000
		Nguyên phụ liệu	137.320.600	134.741.800
		Chi phí xuất nhập khẩu	3.000.000	3.662.600
		Quần áo	579.022.416	-
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	6.960.000	49.736.428
		Thiết bị các loại	5.312.092.249	-
		Nguyên Phụ Liệu	34.448.863	2.801.850
		Khác	1.350.343	-
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	-	6.764.000
		Gia công	-	5.090.920

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2017	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 30/6/2017	đến ngày 30/6/2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	(1.800.000)	-
		Nguyên phụ liệu	1.157.809	-
		Chi phí xuất nhập khẩu	5.100.000	-
		Phí vận chuyển	-	49.653.392
		Tiền thuê nhà	72.865.000	-
		Khác	(59.031.312)	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công	-	2.020.289.093
		Khác	-	630.228
		Nguyên phụ liệu	405.351.544	-
		Điện, nước, thuê máy	3.060.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	19.351.190	36.184.508
		Tiền thuê nhà	-	123.780.780
		khác	936.170	21.003.600
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	1.311.229.451	153.832.728
		Nguyên phụ liệu	706.154	-
		khác	1.485.000	4.607.820
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	9.507.174.690	559.091
		Nguyên Phụ Liệu	-	24.320.000
Công ty CP Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	161.627.400	168.318.054
		Khác	412.800	8.296.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	46.711.468	25.527.433
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	166.763	-
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	7.100.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Gia công quần áo	7.462.228.906	9.088.984.944
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	33.466.746.693	34.273.290.129
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	11.378.475.701	21.396.490.583
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty con	Gia công quần áo	13.137.963.170	13.759.675.462
		Tiết kiệm	-	3.075.545
		Hoa hồng đại lý	48.443.727	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo	20.025.072.797	23.871.159.269
		Tiết kiệm	-	41.932.302
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty con	Gia công quần áo	2.267.744.193	4.718.571.814
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	38.075.252.233	43.182.409.543
		Tiết kiệm	2.500.000	5.345.538
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	1.861.474.610	1.554.054.290
		Phí vận chuyển	30.287.653	-
		Khác	2.857.482.511	-
Công ty Cổ Phần Truyền Thông NBC	Công ty LD, liên kết	Công cụ dụng cụ	253.490.000	-
		Khác	802.441.470	-
		Phụ tùng	254.158.065	-
		Quảng cáo	258.514.500	-
		Sửa chữa	329.848.523	-
		Văn phòng phẩm	23.379.673	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	CCDC	-	105.663.000
		Tài sản cố định	-	8.882.324.000
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	800.000	96.850.000
		Khác	44.150.000	-
		Sửa chữa	13.300.000	-
		Thiết bị các loại	25.716.119.320	-
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Mua NVL	-	1.373.798.460
		Tài sản cố định	-	30.000.000
		Thi công công trình	-	14.432.120.364
		Sửa chữa	5.262.741.818	533.353.446
		Thiết bị các loại	2.634.108.298	-
		Khác	122.283.220	-
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	May gia công	1.097.110.383	4.439.960.550
		Tiết kiệm	-	8.180.816
		CCDC	46.200.000	-
		Thiết bị các loại	3.200.000	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	NVL	-	950.763
		Gia công	3.271.599.955	1.423.727.766
		khác	187.439.118	-
		Thiết bị các loại	3.679.254.129	-
Công ty Cổ phần May Hậu Giang	Công ty con	Gia công	32.489.309.512	17.986.191.991
		Tiết kiệm	-	39.405.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	3.068.940.817
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	21.812.526.736	14.662.588.655
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	54.103.390.844	51.463.604.719
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	66.914.280
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	60.650.370	20.252.430
Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	59.302.584	59.276.448
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	157.132.580
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	267.683.710	143.092.862
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	10.068.600	4.464.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	2.395.935.799	3.584.114.476
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	802.829.058	7.105.465.310
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	5.932.548.028	5.589.136.748
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	6.390.639.763	6.836.575.714
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	10.363.437.420	9.466.548.521
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	6.471.477.267	15.028.832.427
Công ty CP Thương Mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	96.352.126	150.368.702
Công ty Cổ phần May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	10.174.524.135	9.956.969.653

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	1.594.169.065
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	908.223.363	1.082.587.883
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	62.591.402
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	6.688.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	809.399.390
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	2.376.966.006	1.689.597.138
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	1.997.014.204	1.836.556.028
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Trả trước người bán	5.345.725.080	3.131.618.297
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khác	521.000.000	521.000.000
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khác	729.266.991	712.161.906
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải thu khác	916.360.718	916.360.718
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khác	403.510.873	403.510.873
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	-	478.708.302
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả khác	1.393.118	-
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khác	25.000.000.000	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	16.535.364.470	12.000.000.000
Công ty CP May Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khác	603.936.000	603.936.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	281.847.601	229.310.200
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	-	27.595.797
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả khác	27.733.601	-
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	18.676.989	19.920.620
Công ty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	22.764.533	6.107.682

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.170.242.018	46.203.334.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	484.582.042.117	428.144.795.945
Đầu tư tài chính dài hạn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	559.282.284.135	475.878.130.407
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.274.735.972.043	996.448.064.161
Phải trả người bán và phải trả khác	230.905.119.851	251.194.083.630
Chi phí phải trả	27.728.403.389	33.138.080.284
Tổng	1.533.369.495.283	1.280.780.228.075

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	225.850.149.668	5.054.970.183	230.905.119.851
Chi phí phải trả	27.728.403.389	-	27.728.403.389
Các khoản vay	1.205.805.278.104	68.930.693.939	1.274.735.972.043
Tổng	1.459.383.831.161	73.985.664.122	1.533.369.495.283
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	243.939.213.822	7.254.869.808	251.194.083.630
Chi phí phải trả	33.138.080.284	-	33.138.080.284
Các khoản vay	936.937.742.161	59.510.322.000	996.448.064.161
Tổng	1.214.015.036.267	66.765.191.808	1.280.780.228.075

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.170.242.018	-	73.170.242.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	459.380.763.975	25.201.278.142	484.582.042.117
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	532.551.005.993	26.731.278.142	559.282.284.135
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.203.334.462	-	46.203.334.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	412.104.746.366	16.040.049.579	428.144.795.945
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	458.308.080.828	17.570.049.579	475.878.130.407

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2017

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Trưởng phòng Kế toán



Thân Phạm Tiến

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

